

Số: 66 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 12 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt
được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP, ngày 16/10/2013 của Chính phủ,
về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD, ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng,
hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;
Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BXD, ngày 15/5/2017 của Bộ Xây dựng,
hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt;
Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-BXD, ngày 30/05/2014 của Bộ Xây dựng,
về việc công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô
thị;
Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND
tỉnh Đắk Nông về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước
về Giá trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số
28/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 2046/SXD-KT
ngày 28/12/2017 về việc giải trình ý kiến các thành viên UBND tỉnh về giá tối
đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, Tờ trình số 1434/TTr-SXD ngày
03/10/2017 về việc ban hành giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải sinh hoạt
bằng hình thức chôn lấp tại các bãi chôn lấp được đầu tư bằng nguồn vốn ngân
sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh
hoạt bằng hình thức chôn lấp tại các bãi chôn lấp được đầu tư bằng nguồn vốn
ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Giá dịch vụ vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, công suất bãi nhỏ
hơn hoặc bằng 500 tấn/ngày đối với khu vực có hệ số phụ cấp khu vực là 0,4:
75.703 đồng/Tấn rác thải.



16

- Giá dịch vụ vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, công suất bãi nhỏ hơn hoặc bằng 500 tấn/ngày đối với khu vực có hệ số phụ cấp khu vực là 0,5: 76.521 đồng/Tấn rác thải.

- Giá dịch vụ vận hành bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt, công suất bãi nhỏ hơn hoặc bằng 500 tấn/ngày đối với khu vực có hệ số phụ cấp khu vực là 0,7: 78.158 đồng/Tấn rác thải.

Đơn giá này là mức giá tối đa (chưa bao gồm thuế VAT) và là cơ sở để UBND các huyện, thị xã Gia Nghĩa căn cứ lập dự toán xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn mình quản lý trình cấp thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo khối lượng rác chôn lấp. Đồng thời, xem xét lựa chọn các tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng kinh tế thực hiện dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt tại các bãi chôn lấp được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch đúng quy định hiện hành.

Đơn giá này được điều chỉnh khi có sự thay đổi về các chính sách do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc giá vật tư, nguyên liệu, nhân công hoặc chỉ số trượt giá hàng năm có biến động liên tục kéo dài trong thời hạn 60 ngày gây nên chênh lệch giá lớn: làm Đơn giá này giảm 10% trở lên hoặc tăng 20% trở lên.

Điều 2.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, các thị xã Gia Nghĩa chỉ đạo các đơn vị liên quan căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách đề thương thảo ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ đảm bảo tăng lượng rác thải đô thị được thu gom, xử lý, hạn chế chôn lấp.

2. Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh đơn giá xử lý rác thải đô thị theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Tài chính; Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện và thị xã Gia Nghĩa; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN (phối hợp giám sát);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Công TTĐT, CNXD(TT).

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Hải